

Bản án số: 14/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 16-3-2026
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Mỹ Lệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hứa Văn Ché, bà Trần Thị Kim Phụng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thanh Huyền - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Ông Giàng Chấn Sô - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 191/2025/TLST-HNGĐ, ngày 26/11/2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06/02/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 26/02/2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Áu Thị T**, sinh năm 1995; nghề nghiệp: Lao động tự do; căn cước công dân số: 002195000661, cấp ngày: 04/4/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - **Bộ C**. Địa chỉ: **Thôn Q, xã Q, tỉnh Tuyên Quang**. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 12/3/2026).

- **Bị đơn:** Anh **Ngô Duy S**, sinh năm 1993; nghề nghiệp: Lao động tự do; căn cước công dân số: 002093001686; cấp ngày: 16/01/2024; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - **Bộ C** cấp. Địa chỉ: **Số nhà A đường N, tổ A phường H, tỉnh Tuyên Quang**. Vắng mặt (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/10/2025; Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai ngày 20/01/2026, nguyên đơn chị **Áu Thị T** trình bày: Chị và anh **Ngô Duy S** đăng ký kết hôn ngày 27/7/2016 tại **Ủy ban nhân dân phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang** (cũ) trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, đến khoảng năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh **S** không quan tâm và không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên vắng nhà do đi chơi với bạn bè, đam mê cờ bạc không lo được kinh tế về để hỗ trợ vợ nuôi con, không chăm lo cho con cái, còn mắc vào nợ nần chị đã phải nhiều lần trả nợ thay. Năm 2021 chị đã làm đơn xin ly hôn nhưng khi hòa giải, được nghe Thẩm phán phân tích, vì thương

con nên chị đã rút đơn để cho anh S một cơ hội thay đổi. Tuy nhiên anh S không hề thay đổi mà ngày càng lún sâu vào cờ bạc, nợ nần. Do không thể chịu đựng thêm được nữa nên chị đã bỏ ra ngoài thuê nhà để ở, vợ chồng chị sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, không thể tiếp tục duy trì thêm cuộc sống chung vợ chồng nên chị làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Duy S.

Về con chung: Chị và anh S có 02 con chung là cháu Ngô Ngọc N, sinh ngày 05/02/2017 và cháu Ngô Gia B, sinh ngày 05/3/2022. Do anh S thường xuyên chơi cờ, cờ bạc, nợ nần rồi bỏ nhà đi, cuộc sống cũng như thu nhập không ổn định, lối sống không lành mạnh nên không đảm bảo được sự phát triển tốt nhất cho các con, do đó chị đề nghị Tòa án giao cả 02 cháu cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện nay chị đang gửi các con cho ông bà nội tạm thời chăm sóc giúp đỡ các cháu đảm bảo việc học hành, còn chị về quê để xây dựng chỗ ở cùng bố mẹ đẻ của chị ở xã Q, tỉnh Tuyên Quang và mở Spa kinh doanh nghề chăm sóc sắc đẹp cho phụ nữ, thu nhập cũng ổn định, chị sẽ có trách nhiệm gửi tiền cho ông bà nội các cháu để chi phí ăn uống, học hành đảm bảo cho các con chị có điều kiện tốt nhất trong thời gian chị ổn định chỗ ở, sau khi có chỗ ở ổn định thì chị sẽ đón các con về để chăm sóc, giáo dục. Anh S đã bỏ nhà đi từ tháng 12/2025 đến nay không về nhà, không liên lạc hay quan tâm gì đến vợ và các con nên hiện tại chị chưa yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau này khi anh S quay về tu chí ổn định cuộc sống, nếu có nguyện vọng nuôi con thì chị và anh S sẽ thỏa thuận lại về việc thay đổi người nuôi con cũng như về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp không thỏa thuận được và phát sinh tranh chấp, nếu có yêu cầu thì sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không tạo lập được khối tài sản chung nào, cũng không có khoản nợ chung nào nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang đã giao Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh Ngô Duy S đến Tòa án để viết bản tự khai và lấy lời khai theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp nhưng bị đơn đều không có mặt, không có lý do. Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của anh S. Tổ trưởng dân phố xác nhận anh Ngô Duy S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà A đường N, tổ A phường H, tỉnh Tuyên Quang. Hiện tại anh S không có mặt ở địa phương, tổ dân phố chỉ nắm được là anh S đi làm ở Bắc Ninh từ tháng 12/2025, còn cụ thể anh S làm nghề gì, ở đâu thì không thông báo cho tổ được biết nên tổ không nắm được. Do anh S không thường xuyên có mặt ở nhà, không tham gia sinh hoạt gì với tổ dân phố nên tình trạng hôn nhân của anh S, chị T như thế nào tổ không nắm được cụ thể, chỉ biết hai vợ chồng sau khi kết hôn ở chung cùng bố mẹ đẻ của anh S tại tổ A phường H và hiện nay anh S, chị T không còn chung sống cùng nhau nữa, anh S bỏ đi Bắc Ninh làm còn chị T cũng về nhà bố mẹ đẻ ở và làm nghề Spa, anh chị có hai đứa con chung hiện nay đang ở cùng ông bà nội các cháu nuôi dưỡng, chăm sóc.

Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Do bị đơn vắng mặt không có lý

do nên không có bản tự khai; Toà án không ghi được lời khai và không tổ chức hoà giải vụ án được.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 12/3/2026, nguyên đơn chị **Áu Thị T** xác định các yêu cầu khởi kiện cụ thể gồm:

1. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Ngô Duy S**;
2. Đề nghị Tòa án xử giao 02 cháu **Ngô Ngọc N**, sinh ngày 05/02/2017 và **Ngô Gia B**, sinh ngày 05/3/2022 cho chị **T** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh **S** phải cấp dưỡng nuôi con chung;
3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do, vì vậy không có lời trình bày và ý kiến, đề nghị gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ; thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đảm bảo về thời hạn; cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân thủ quy định của pháp luật, không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng, gây khó khăn cho Tòa án, người tiến hành tố tụng và nguyên đơn, vi phạm các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 quy định về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

Về hôn nhân: Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định cho chị **Áu Thị T** được ly hôn với anh **Ngô Duy S**; Về con chung: Giao 02 cháu **Ngô Ngọc N**, sinh ngày 05/02/2017 và **Ngô Gia B**, sinh ngày 05/3/2022 cho chị **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi; anh **Ngô Duy S** không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; Về tài sản và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của chị **Áu Thị T** về việc xin ly hôn anh **Ngô Duy S**, bị đơn có địa chỉ cư trú tại **phường H, tỉnh Tuyên Quang**. Do đó Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn: Anh **Ngô Duy S** hiện nay không có mặt tại địa chỉ do nguyên đơn cung cấp, không thông báo địa chỉ nơi ở mới cho nguyên đơn biết được coi là cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ với nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang đã niêm yết các văn bản của Tòa án theo thủ tục tố tụng nhưng anh **S** vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh **Ngô Duy S**.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị **Áu Thị T** và anh **Ngô Duy S** được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị có thời gian chung sống với nhau hạnh phúc, năm 2021 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn chị **T** đã có lần làm đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết nhưng đã rút đơn xin quay về đoàn tụ để cho anh **S** cơ hội thay đổi, tuy nhiên anh **S** vẫn chứng nào tật ấy không thay đổi và không có trách nhiệm với gia đình, vợ con nên chị **T** đã bỏ ra ngoài thuê nhà ở riêng, anh chị đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2021 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do anh **S** đam mê cờ bạc, mãi chơi chỉ lo cho bản thân mà không quan tâm gì đến vợ và các con, không lo kinh tế để xây dựng gia đình hạnh phúc. Anh **S** thường xuyên bỏ nhà đi mà không báo gì cho vợ hoặc bố mẹ, ngoài ra còn mắc nợ nần không còn quan tâm đến vợ và các con, bỏ mặc con nhỏ cho chị **T** và ông bà nội chăm sóc, hai vợ chồng cũng không còn liên lạc, quan tâm, hỏi han nhau. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình thì: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"; "2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác..."*. Xét thấy, anh **Ngô Duy S** đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của người chồng, không đóng góp kinh tế nuôi dạy con cái, không quan tâm, chia sẻ với vợ làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị **T** yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **S**. HĐXX xét thấy cần chấp nhận, xử cho chị **T** được ly hôn với anh **S** theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị **T**, anh **S** có 02 con chung là **Ngô Ngọc N** sinh ngày 05/02/2017 và cháu **Ngô Gia B** sinh ngày 05/3/2022. Hiện nay hai cháu đang sinh sống cùng với ông bà nội tại **tổ A phường H, tỉnh Tuyên Quang**. Khi ly hôn, chị **T** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh **S** phải cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản về việc ghi ý kiến, nguyện vọng của cháu **Ngô Ngọc N** ngày 05/12/2025, thì nguyện vọng của cháu được ở với mẹ (*BL 38a*); còn cháu **Ngô Gia B** còn nhỏ (dưới 07 tuổi) nên không đặt ra vấn đề làm rõ nguyện vọng của cháu. Hội đồng xét xử xét thấy anh **S** là lao động tự do, không có nghề nghiệp gì ổn định, mặt khác hiện nay anh **S** không có mặt

ở địa phương. Theo nội dung xác minh ngày 21/01/2026 đối với bà **Vũ Thị Thu H** và ông **Ngô Văn H1** là bố mẹ đẻ của anh **Ngô Duy S** (BL 49-50), ông **H1**, bà **H** cung cấp: Ông, bà là bố mẹ đẻ của anh **Ngô Duy S** và là bố, mẹ chồng của chị **Áu Thị T**. Sau khi kết hôn anh **S**, chị **T** vẫn ở chung cùng ông, bà tại **số nhà A đường N, tổ A phường H, tỉnh Tuyên Quang**. Tuy nhiên, do vợ chồng có mâu thuẫn với nhau nên chị **T** đã bỏ ra ngoài thuê nhà ở để làm nghề Spa, còn anh **S** cũng bỏ đi đâu từ ngày 21/12/2025 đến nay không có mặt ở nhà. Trước khi đi anh **S** có nói với ông bà là đi Bắc Ninh làm, còn cụ thể đi để làm gì, địa chỉ cụ thể ở đâu thì anh **S** không nói cho ông bà biết, không liên lạc gì với gia đình; nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh **S** có máu cờ bạc nên thường xuyên bỏ nhà đi, mặc dù đã có sự giúp đỡ, góp ý của gia đình nhưng anh **S** không thay đổi. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao hai cháu **Ngô Ngọc N** và **Ngô Gia B** cho chị **T** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp, đảm bảo điều kiện chăm sóc tốt nhất cho các con. Anh **S** được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị **T** không yêu cầu anh **S** phải cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: Chị **Áu Thị T** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tại phiên toà là có căn cứ, phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều luật của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2025; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Áu Thị T**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Áu Thị T** được ly hôn với anh **Ngô Duy S**.

2. Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao 02 cháu **Ngô Ngọc N**, sinh ngày 05/02/2017 và **Ngô Gia B**, sinh ngày 05/3/2022 cho chị **Áu**

Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh **Ngô Duy S** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị **Áu Thị T** phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị **T** đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001553 ngày 26/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 4 - Tuyên Quang;
- THADS khu vực 4 - Tuyên Quang;
- UBND phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Mỹ Lệ

